

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyến.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Bích P, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ĐD, xã TT, huyện NH, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Bích P trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn năm 2015 và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không còn phù hợp, cuộc sống không còn hạnh phúc nên tự ly thân với nhau hơn 02 năm nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Nhật L sinh ngày 22/6/2015 hiện do anh T nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Hiện chị đi làm ở tỉnh Bình Dương hơn 02 năm, thu nhập hàng tháng khoảng hơn 12.000.000 đồng và có nguyện vọng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì

đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị P vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị P cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống không còn hạnh phúc nên ly thân với nhau hơn 02 năm nay. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết chị P kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu T, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị P và anh T hiện không còn chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Từ căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị P và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Trần Nhật L sinh ngày 22/6/2015 hiện do anh T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay vẫn đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Qua xác minh nguyện vọng của cháu L xin được ở với anh T. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu L, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu và quan hệ tình cảm của cháu đối với anh T, giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, đảm bảo trong thời gian tới cho cháu có cuộc sống ổn định, có điều kiện được phát triển tốt thể chất, tinh thần là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung chị P và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P. Cho chị Trần Bích P được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Nhật L sinh ngày 22/6/2015 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị P phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0015452 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Tân Ân Tây, Ngọc Hiển (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên